

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HS-ST

Ngày: 25/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2024/TLST-HS ngày 24/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HS ngày 12/6/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng hộ khẩu thường trú: số A, ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: Nhà không số, ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1969 (chết) và bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1971; bị cáo từng kết hôn với **Trần Thị Thanh N1**, sinh năm 1987 (đã ly hôn); con: có 01 người con chung sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 22/01/2024, đã bị **Công an thành phố B** ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (quyết định số 179/QĐ-XPHC); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 25/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

- **Người làm chứng:**

1. **Nguyễn Trọng N2**, sinh năm 2003; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

3. **Võ Hoàng T2**, sinh năm 2001; nơi cư trú: số I, ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

4. Nguyễn Thị Hồng T3, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

5. Nguyễn Quốc K, sinh năm 2003; nơi cư trú: số H, ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

6. Trần Minh Đ, sinh năm 1970; nơi cư trú: số C, ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 20 phút ngày 22/01/2024 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B phối hợp Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B bắt quả tang Nguyễn Văn T có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Trọng N2, sinh năm 2003, ĐKTT: Số A, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre tại nhà không số, tổ N, ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre do T làm chủ. Cơ quan điều tra lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu trong túi quần phía trước bên trái của Nguyễn Trọng N2: 01 (một) gói nylon màu trắng hàn kín bốn phía, 01 phía có rãnh khếp và vạch ngang màu đỏ bên trong có nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì ký hiệu M.

- T3 trong túi quần phía sau bên phải của Nguyễn Văn T: Tiền Việt Nam 300.000 đồng.

- Thu trong túi quần phía trước bên phải của Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu xám, đã qua sử dụng.

- Thu trong túi quần phía trước bên trái của Nguyễn Văn T: 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh có gắn sim số 0978411324, số Imei1: 861428057543192, số I: 8614280578543184, đã qua sử dụng.

- T3 trong túi quần phía sau bên trái của Nguyễn Văn T một vỏ bao thuốc lá hiệu Scott bên trong có ba túi nylon hàn kín bốn phía, một phía có rãnh khếp và vạch ngang màu đỏ bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở và vùng phụ cận tại nhà không số, tổ N, ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre của Nguyễn Văn T, lực lượng Công an còn thu giữ trong phòng ngủ của T:

- 01 (một) túi nylon màu trắng hàn kín 04 phía, 01 phía có rãnh khếp và vạch ngang màu đỏ, bên trong có chứa chất màu trắng nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì ký hiệu K.

- 01 (một) bình nhựa có nắp đậy màu đỏ, trên nắp có gắn nỏ thủy tinh và ống hút.

- 01 (một) cân điện tử màu trắng đã qua sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 69A ngày 25/01/2024 của **Phòng K2 Công an tỉnh B** kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói ny lon được niêm phong trong phong bì ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0396 gam.

Tại Kết luận giám định số 69B ngày 13/02/2024 của **Phòng K2 Công an tỉnh B** kết luận:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 03 túi ny lon được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 7,1398 gam.

- Chất màu trắng đựng trong 01 túi ny lon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,1250 gam.

Tổng cộng: 7,17 gam Methamphetamine và 0,1250 gam Ketamine.

H1 lại Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** mẫu vật sau giám định đã được niêm phong lần lượt có khối lượng: mẫu vật ký hiệu M1: 6,9862 gam, mẫu vật ký hiệu K: 0,0977 gam.

Nguyễn Văn T khai nhận: **T** là người sử dụng ma túy, để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, khoảng 12 giờ 10 phút ngày 22/01/2024 **T** đến khu vực **Bến xe tỉnh B ở ấp A, xã S, thành phố B** gặp một nam thanh niên tên **T4** không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể để mua 2.000.000 đồng ma túy loại Methamphetamine và **K1** đem về nhà của mình cất giấu để bán và sử dụng. Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 22/01/2024, **T** đang ở nhà, **Nguyễn Trọng N2** điện thoại hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá, **T** đồng ý và kêu **N2** đến nhà **T**. Khoảng 10 phút sau, **N2** đến cửa nhà sau của **T**, **T** đưa cho **N2** một gói ma túy đá, **N2** đưa cho **T** 300.000 đồng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Ngoài lần bị bắt quả tang, **Nguyễn Văn T** còn bán ma túy cho **Nguyễn Trọng N2** 03 lần và bán cho **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1978; ĐKTT: **Số E, Ấp B, xã P, thành phố B** 01 lần tại nhà của **T**, cụ thể:

1. Bán ma túy cho **Nguyễn Trọng N2** 03 lần thu được 2.900.000 đồng, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 01 giờ 10 phút ngày 09/01/2024, **N2** đến nhà của **T** gặp **T** hỏi mua 900.000 đồng ma túy đá, **T** đồng ý và lấy ma túy bán cho **N2**, **T** thu được 900.000 đồng.

- Lần thứ hai: Khoảng 01 giờ 05 phút ngày 11/01/2024, **N2** đến nhà của **T** gặp **T** hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá, **T** đồng ý và lấy ma túy bán cho **N2**, **T** thu được 500.000 đồng.

- Lần thứ ba: Khoảng 01 giờ 10 phút ngày 16/01/2024, **N2** đến nhà của **T** gặp **T** hỏi mua 1.500.000 đồng ma túy đá, **T** đồng ý và lấy ma túy bán cho **N2**, **T** thu được 1.500.000 đồng.

2. Bán ma túy cho **Nguyễn Minh H** 01 lần thu được 200.000 đồng, cụ thể: Khoảng 11 giờ 05 phút ngày 20/01/2024, **H** đến nhà **T** hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá, **T** đồng ý và lấy 01 tép ma túy đá bán cho **H**, **T** thu được 200.000 đồng.

Quá trình điều tra, **Nguyễn Văn T** khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ khác Cơ quan điều tra thu thập.

Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh có gắn sim số 0978411324, số Imei1: 861428057543192, số I: 8614280578543184; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu xám; mẫu vật ký hiệu M1: 6,9862 gam, mẫu vật ký hiệu K: 0,0977 gam sau giám định; một cân điện tử màu trắng; một bình nhựa có nắp đậy màu đỏ, trên nắp có gắn nổ thủy tinh và số tiền 300.000 đồng để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc T bán ma túy cho N2 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm ngàn đồng) và bán ma túy cho H 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), buộc T giao nộp để xử lý theo quy định pháp luật.

Tại cáo trạng số 37/CT-VKSTPBT ngày 23/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính: áp dụng b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 08 đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói; 01 (một) bình nhựa có nắp đậy màu đỏ, trên nắp có gắn nổ thủy tinh và ống hút; 01 (một) cân điện tử màu trắng đã qua sử dụng; sim số 0978411324.

Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu xám, đã qua sử dụng.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước tiền Việt Nam 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh đã qua sử dụng.

Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy số tiền 3.100.000 đồng.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ

quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng nhưng quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: từ ngày 16/01/2024 đến ngày 22/01/2024, tại nhà không số, **tổ N, ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre**: **Nguyễn Văn T** có hành vi bán trái phép chất ma túy 05 lần gồm: bán cho **Nguyễn Trọng N2** 04 lần loại Methamphetamine, thu lợi bất chính được 3.200.000 đồng; bán cho **Nguyễn Văn H2** 01 lần, loại **M**, thu lợi bất chính 200.000 đồng. Tổng khối lượng ma túy mà **T** tàng trữ 7,17 gam Methamphetamine và 0,1250 gam Ketamine nhằm mục đích sử dụng và bán cho người sử dụng ma túy.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý 05 lần bán ma túy cho người sử dụng ma túy để thu lợi bất chính 3.400.000 đồng và tàng trữ 7,17 gam Methamphetamine và 0,1250 gam Ketamine nhằm mục đích sử dụng và bán cho người sử dụng ma túy. Vì vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của con người, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự nhưng vào ngày 22/01/2024, đã bị **Công an thành phố B** ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng là “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Có nghĩa vụ nuôi con nhỏ” theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói; 01 (một) bình nhựa có nắp đậy màu đỏ, trên nắp có gắn nỏ thủy tinh và ống hút; 01 (một) cân điện tử màu trắng đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện bị cáo dùng để cân và sử dụng ma túy; sim số 0978411324 là số điện thoại bị cáo sử dụng để liên lạc khi mua bán ma túy.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước tiền Việt Nam 300.000 đồng là tiền bị cáo thu lợi từ việc bán ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu xám, đã qua sử dụng.

Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án: 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh đã qua sử dụng là phương tiện bị cáo sử dụng để liên lạc khi mua bán ma túy.

Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy số tiền 3.100.000 đồng.

[8] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác minh, làm rõ đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với Nguyễn Trọng N2 khi mua ma túy của bị cáo để sử dụng vào ngày 21/01/2024 nhưng theo kết quả giám định khối lượng chỉ 0,0396 gam ma túy Methamphetamine; N2 chưa bị xử lý hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa bị kết án về các tội quy định tại các điều 248, 249, 250, 251 và 252 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan điều tra Công an thành phố B không truy cứu trách nhiệm hình sự nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thị Hồng T3 là bạn gái của bị cáo có mặt tại nhà bị cáo khi khám xét nhà nhưng cơ quan có thẩm quyền không chứng minh được T3 có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Qua kiểm tra phát hiện Nguyễn Thị Hồng T3, Nguyễn Trọng N2, Võ Hoàng P và Nguyễn Minh H dương tính ma túy quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố B xác định T không cung cấp ma túy cho những người này sử dụng, những người này sử dụng ma túy ở nơi khác nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 255 Bộ luật Hình sự hoặc tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 256 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo, Nguyễn Thị Hồng T3, Nguyễn Minh H, Võ Hoàng T2, Nguyễn Trọng N2, đã bị Công an thành phố B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng mỗi người theo các quyết định số 179/QĐ-XPHC, 180/QĐ-XPHC, 181/QĐ-XPHC, 182/QĐ-XPHC, 183/QĐ-XPHC vào ngày 22/01/2024 là phù hợp nên ghi nhận.

[9] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt và xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2024.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định và vỏ bao gói (mẫu M1, M2); 01 (một) bình nhựa có nắp đậy màu đỏ, trên nắp có gắn nỏ thủy tinh và ống hút; 01 (một) cân điện tử màu trắng đã qua sử dụng; sim số 0978411324.

Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu xám, đã qua sử dụng, sau khi thi hành án xong, nếu còn thừa sẽ trả lại cho bị cáo.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước tiền Việt Nam 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu xanh đã qua sử dụng.

Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy 3.100.000 (ba triệu một trăm nghìn) đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/6/2024).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo **Nguyễn Văn T** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Sơn Đông, TP. BT (1b);
- Bị cáo, NTGTT (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình